TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2025
"V/v ly hôn,
tranh chấp quyền nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Minh Sơn.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà*:* Bà Đặng Thị Ngọc Đính - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án thụ lý số: 297/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Việt T, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa Hữu, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của Võ Thị Việt T trong quá trình giải quyết vụ án: Bà và ông Trần Văn T1 quen biết, yêu thương nhau được sự đồng ý của hai bên gia đình ông bà tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, số 332/2011, quyển số: 02/2011, ngày 30/9/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Võ C, sinh ngày 30/11/2011 và Trần Hoàng Phú Q, sinh ngày 08/5/2023, thời

gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên cải nhau, do bất đồng về lối sống và tính tình hai người không hợp nhau, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được, vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay. Quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bà Võ Thị Việt T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T1; về con chung có 02 con chung tên Trần Võ C, sinh ngày 30/11/2011 và Trần Hoàng Phú Q, sinh ngày 08/5/2023, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Võ Thị Việt T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại bản tự khai và lời trình bày của ông Trần Văn T1 trong quá trình giải quyết vụ án: Ông với bà Võ Thị Việt T sau thời gian tìm hiểu thì có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, số 332/2011, quyển số 02/2011, ngày 30/9/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Võ C, sinh ngày 30/11/2011 và Trần Hoàng Phú Q, sinh ngày 08/5/2023, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau này thì vợ chồng có mâu thuẫn do ông ham chơi, không quan tâm vợ con, vợ chồng không quan tâm nhau. Về hôn nhân ông T1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T muốn hàn gắn gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung. Về con chung có 02 con chung tên Trần Võ C, sinh ngày 30/11/2011 và Trần Hoàng Phú Q, sinh ngày 08/5/2023 ông T1 thống nhất giao bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, chung nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án: Bà T và ông T1 kết hôn và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, tại phiên tòa hôm nay bà T kiên quyết ly hôn với ông T1 do mâu thuẫn giữa ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T; về con chung bà T yêu cầu được nuôi dưỡng, ông T1 thống nhất giao con chung cho bà T nuôi dưỡng và con chung có nguyện vọng được sống với mẹ bà T nên đề nghị Tòa án giao con chung tên Trần Võ C, sinh ngày 30/11/2011 và Trần Hoàng Phú Q, sinh ngày 08/5/2023

cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung bà T, ông T1 thống nhất khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về án phí buộc bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Việt T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn T1 và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con đây là tranh chấp về hôn hôn nhân gia đình và quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn T1.

[2] Nội dung yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Việt T và ông Trần Văn T1 kết hôn vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, số 332/2011, quyển số 02/2011, ngày 30/9/2011 nên bà T và ông T1 đã xác lập quan hệ hôn nhân theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11của Luật hôn nhân và gia đình. Qua đơn khởi kiện, lời trình bày của bà bà T, ông T1 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T, ông T1 luôn bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cự cải, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhiều lần hàn gắn nhưng không T1, bà T đã nhiều lần cho ông T1 cơ hội nhưng ông T1 vẫn không sửa đổi, không cùng bà chăm lo gia đình và chăm sóc các con. Tại phiên tòa hôm nay, bà T kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn với ông T1. Từ những căn cứ nêu trên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T ông T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Việc ông T1 không đồng ý ly hôn muốn hàn gắn gia đình để cùng nhau nuôi dạy con chung là không có căn cứ, do bà T khai đã nhiều lần cho ông T1 cơ hội nhưng ông T1 không sửa đổi, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và bà T kiên quyết ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T và ông T1 thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Trần Võ C, sinh ngày 30/11/2011 và Trần Hoàng Phú Q, sinh ngày 08/5/2023 bà T và ông T1 thống nhất giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự và theo nguyên vọng của con chung nên giao con chung tên Trần Võ C, sinh ngày 30/11/2011 và Trần Hoàng Phú Q, sinh ngày 08/5/2023 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định nhưng bà T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Võ Thị Việt T và ông Trần Văn T1 thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Võ Thị Việt T và ông Trần Văn T1 thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Võ Thị Việt T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35,39, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Việt T.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Việt T được ly hôn với ông Trần Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Võ C, sinh ngày 30/11/2011 và Trần Hoàng Phú Q, sinh ngày 08/5/2023 cho bà Võ Thị Việt T trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyên vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định nhưng bà Võ Thị Việt T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Việt T và ông Trần Văn T1 thống nhất khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Võ Thị Việt T và ông Trần Văn T1 thống nhất khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Việt T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị Việt T đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0001054 ngày 20 tháng 11 năm

2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà Võ Thị Việt T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên không phải nộp tiếp.

6. Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Bích Lộc